



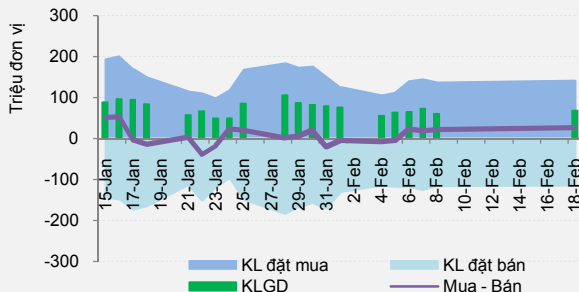
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 18/2/2013

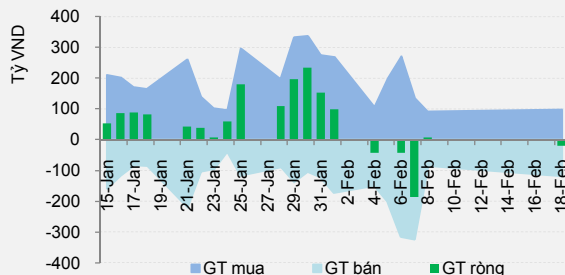
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	494.0	66.7
% Thay đổi	↓ 0.0%	↑ 0.8%
KLGD (CP)	69,423,530	71,207,576
GTGD (tỷ đồng)	994.21	617.30
Tổng cung (CP)	113,938,050	105,738,700
Tổng cầu (CP)	140,130,930	102,890,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,873,270	557,330
KL mua (CP)	3,916,740	1,885,800
GTmua (tỷ đồng)	98.07	22.49
GT bán (tỷ đồng)	117.14	8.13
GT ròng (tỷ đồng)	(19.07)	14.35

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.43%	8.2	1.5	2.7%
Công nghiệp	↑ 1.68%	13.3	1.0	16.8%
Dầu khí	↑ 1.69%	6.7	1.2	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.64%	6.6	1.2	0.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.09%	6.2	2.1	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.63%	11.6	4.7	11.6%
Ngân hàng	↓ -0.26%	5.7	1.7	11.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.48%	7.7	2.0	12.5%
Tài chính	↓ -1.05%	30.7	2.8	35.2%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.28%	8.7	2.8	5.5%
VN - Index	↓ -0.02%	13.3	2.9	62.0%
HNX - Index	↑ 0.80%	14.8	1.4	38.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,157,110	1.7%	1,881,350	2.7%
GTGD (triệu VND)	15,393	1.6%	22,400	2.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng khả năng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 490 điểm trong những phiên tới.

Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch và khi tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự này và có bốn phiên tăng điểm liên tiếp. Khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục tăng điểm. Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68-69 điểm.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 493.95 điểm, giảm 0.08 điểm tương ứng với mức 0.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 67.68 triệu đơn vị, tăng 15.02% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 66.74 điểm, tăng 0.53 điểm tương ứng với mức 0.8% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 71.15 triệu đơn vị, tăng 9.01% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn có sự phân hóa. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như MSN tăng 0.86%, MBB tăng 1.42%, PVD tăng 1.15%... một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm giá như BVH giảm 3.36%, VCB giảm 0.58%, VIC giảm 2.22%, CTG giảm 0.84%... Các cổ phiếu VNM, GAS, PVF... đứng giá ở mức tham chiếu.

- Theo Thống đốc NHNN, mục tiêu hàng đầu trong điều hành CSTT năm 2013 là kiểm soát lạm phát, tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Trong trường hợp CPI năm 2013 kiểm soát được ở khoảng 6%, mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay sẽ tiếp tục được điều chỉnh giảm.

- Theo website NDHMoney, CPI tháng 2 dự báo tăng khoảng 1.5% so với tháng trước. Với mức tăng dự báo này, CPI 2 tháng đầu năm đã tăng 2.77%, CPI so cùng kỳ tăng 7.81% so với năm trước, cao hơn mức CPI kế hoạch 6-6.5% trong năm 2013. Mức tăng CPI 1.5% trong tháng 2 – Tháng Tết Nguyên đán - không phải là mức tăng cao, khi đây là thời gian cao điểm tăng giá tiêu dùng. Tuy nhiên với sức ép tăng giá mặt hàng xăng dầu khi Bộ Tài chính đã 2 lần giữ nguyên giá xăng, tăng sử dụng quỹ Bình ổn giá và còn 8 tỉnh thành chưa tăng phí dịch vụ y tế, áp lực lạm phát trong Tháng 3 dự kiến tiếp tục ở mức cao.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 493.95 điểm, giảm 0.08 điểm tương ứng với mức 0.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên gần đây.

- Chỉ số VN-Index tiếp cận mức hỗ trợ MA20 và hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Sau khi hình thành mô hình Morning Star thì chỉ số VN-Index đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự 470 điểm cũng như mức kháng cự của trendline dài hạn hình thành Gap có độ rộng lớn.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 525 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng khả năng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 490 điểm trong những phiên tới.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 66.74 điểm, tăng 0.53 điểm tương ứng với mức 0.8% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh của MA20, trendline trung hạn cũng như mức hỗ trợ của Fibonacci 38.2 hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Chỉ báo RSI 9 ngày quay đầu tăng điểm khi tiếp cận đường baseline

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68-69 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch và khi tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự này và có bốn phiên tăng điểm liên tiếp. Khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục tăng điểm. Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68-69 điểm.

**Khuyến nghị đang mở**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
PGC	06/02/2014		Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Khuyến nghị	Giá khuyến	Giá mục	Giá	Giá đóng	Hiệu suất
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

Tính đến ngày 8/2/2013, đã có 434 doanh nghiệp công bố BCTC Q4, với 333 doanh nghiệp báo lãi.

Hiện thị trường vẫn trong xu hướng tăng điểm, khi nhà đầu tư kỳ vọng vào sức hấp dẫn của TTCK so với các kênh đầu tư khác.

Chúng tôi thống kê 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, 10 cổ phiếu có hệ số PE thấp nhất, 10 cổ phiếu có hệ số Beta cao nhất để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012								Ngành			
HGM	37	-7.46%	317	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.63	10.59	0.00	2.34	14
TCT	3	12.19%	2,373	16,795	52,747	33.22%	35.86%	5.09	7.44	0.08	1.62	1
DPR	0	-	4,886	16,245	47,932	29%	36%	3.14	4.63	-0.05	1.06	173
QTC	12	28.09%	6,038	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.39	11.78	-0.28	0.81	20
CAP	11	19.15%	4,596	12,005	27,429	20.44%	47.30%	3.33	10.59	0.45	1.46	10
TRC	119	-33.40%	3,063	11,613	44,750	23.13%	28.20%	4.16	4.63	0.24	1.08	107
VCF	152	44.10%	1,995	11,431	36,007	31%	36%	17.85	11.72	-0.05	5.67	292
LHC	9	30.49%	2,613	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.76	11.78	-0.09	0.77	4
SLS	1	#N/A	146	10,330	23,145	26.85%	52.20%	2.14	11.72	0.00	0.95	25
BMP	98	21.34%	38,388	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.47	11.78	0.83	1.54	354

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ PE THẤP NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012								Ngành			
HLC	85	98.70%	12,852	8,646	20,951	6.97%	51.15%	1.91	10.59	0.83	0.79	110
HU1	-2	-55.13%	10,100	4,419	17,722	4.02%	24.75%	1.97	11.78	0.05	0.49	704
SLS	1	#N/A	146	10,330	23,145	26.85%	52.20%	2.14	11.72	0.00	0.95	25
TCS	11	-27.01%	26,854	6,354	22,578	5.98%	32.94%	2.36	10.59	0.46	0.66	199
QTC	12	28.09%	6,038	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.39	11.78	-0.28	0.81	20
LM8	11	73.38%	5,252	4,740	19,459	3.45%	27.79%	2.47	11.78	0.25	0.60	523
VSI	0	-	834	2,787	12,566	4.31%	19.19%	2.51	11.78	-0.17	0.56	77
CLP	0	-	1,063	2,936	16,822	4.66%	15.73%	2.62	11.72	0	0.46	385
NHS	0	-	41,344	5,299	36,673	9.20%	24.00%	2.68	11.72	0.05	0.39	207
LHC	9	30.49%	2,613	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.76	11.78	-0.09	0.77	4

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ BETA CAO NHẤT

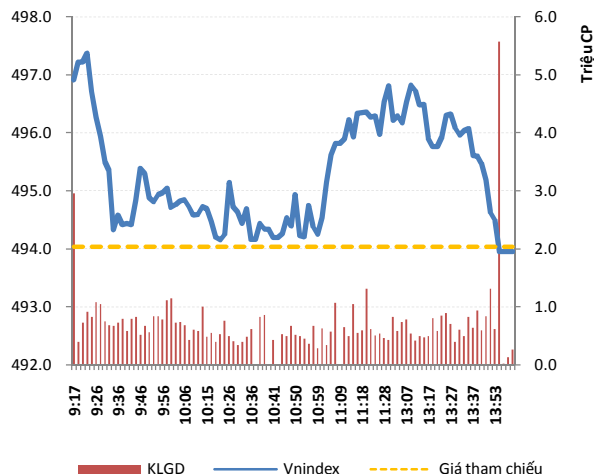
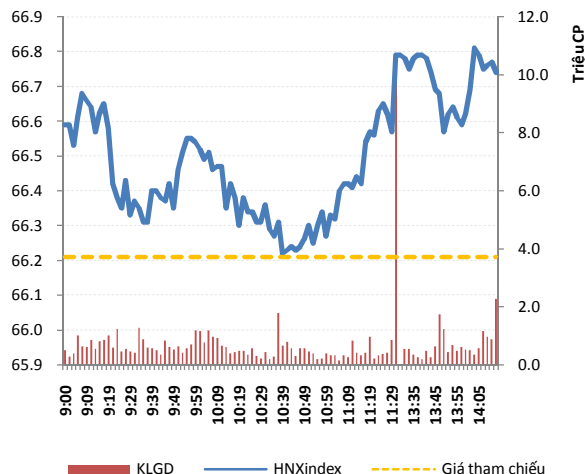
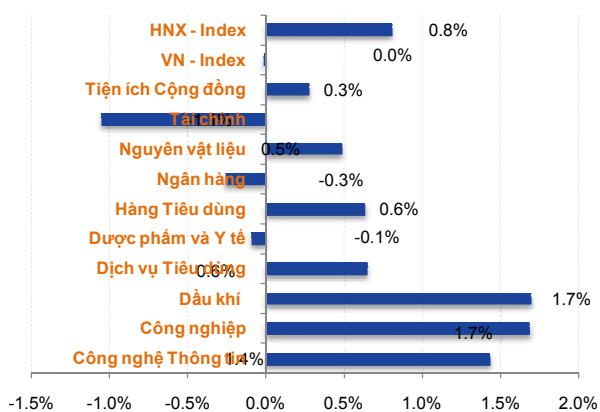
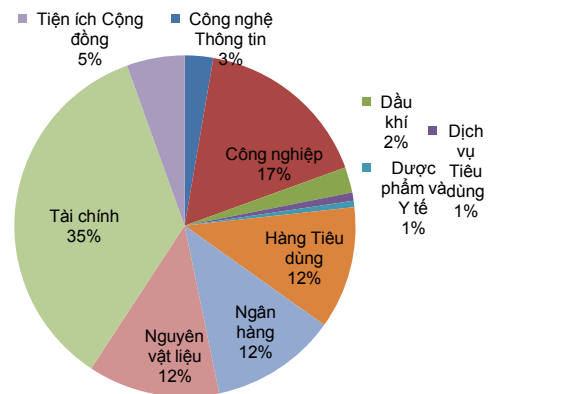
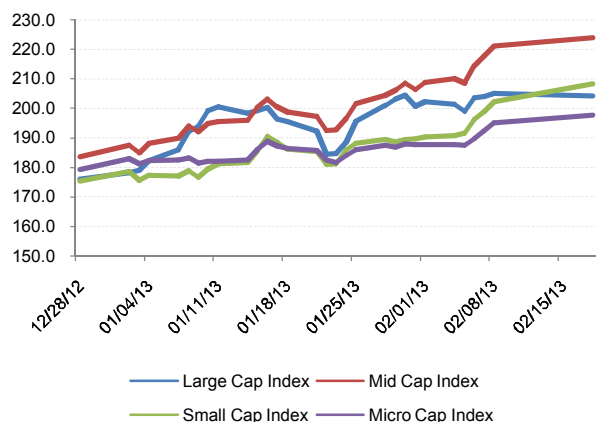
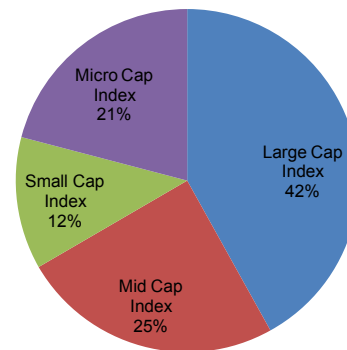
Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012								Ngành			
PVL	0	-	1,707,383	-522	10,465	-2.73%	-4.88%	-9.78	33.02	3.18	0.49	270
SDH	0	-	448,714	-1,821	8,608	-5.86%	-18.10%	-2.86	11.78	2.95	0.60	164
DDM	-31	#DIV/0!	28,748	-5,617	-2,685	-5%	5761%	-0.21	9.47	2.82	-0.45	16
PVA	0	-	826,098	-472	10,829	-0.34%	-3.04%	-15.25	11.78	2.77	0.66	253
PVX	0	-	9,691,768	-1,001	9,264	-1.84%	-9.01%	-7.69	11.78	2.75	0.83	4,485
SCR	0	-	6,452,384	245	15,868	0.52%	1.51%	39.25	33.02	2.68	0.60	2,882
SRA	-1	#DIV/0!	192	-1,394	10,231	-9%	-13%	-3.23	7.82	2.61	0.44	0
S96	-2	88.97%	204,933	-455	7,503	-1.16%	-5.88%	-9.68	11.78	2.57	0.59	22
SHN	-17	13.00%	1,408,326	-3,931	2,918	-27.92%	-86.70%	-0.46	11.78	2.57	0.62	6
PFL	0	-	543,833	-134	10,380	-0.94%	-1.25%	-26.79	33.02	2.56	0.35	2

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 18/02/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	625,660	GMD	213,700
2	IJC	460,500	SSI	179,840
3	HPG	128,680	DRC	148,200
4	VCB	93,090	KMR	135,200
5	LCM	90,650	DPM	128,320

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	908,500	AAA	329,000
2	PVS	266,300	PGS	40,000
3	PVX	185,270	TLC	25,000
4	PVC	152,300	DBC	18,700
5	VCG	81,400	CIC	11,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.1	8.8	↓ -3.30%	4,598,630
SAM	8.6	9.2	↑ 6.98%	3,870,660
VNE	6.8	7.2	↑ 5.88%	2,395,340
ITC	9.6	10.2	↑ 6.25%	2,189,250
MBB	14.1	14.3	↑ 1.42%	2,183,370

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.1	8.1	→ 0.00%	14,395,169
KLS	10.6	11.3	↑ 6.60%	6,800,900
PVX	7.8	7.7	↓ -1.28%	6,355,460
VND	10.8	11.2	↑ 3.70%	5,448,600
SCR	9.6	9.6	→ 0.00%	4,462,822

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
TMS	24.3	26.0	1.7	↑ 7.00%
SAM	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
UDC	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
DTL	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CX8	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
PLC	16.0	17.6	1.6	↑ 10.00%
FDT	25.4	27.9	2.5	↑ 9.84%
CTM	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%
QHD	6.2	6.8	0.6	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
SSC	37.5	34.9	-2.6	↓ -6.93%
GTT	13.3	12.4	-0.9	↓ -6.77%
BTT	23.3	21.8	-1.5	↓ -6.44%
CMV	20.3	19.0	-1.3	↓ -6.40%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MMC	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
CAN	26.8	24.2	-2.6	↓ -9.70%
TTC	6.6	6.0	-0.6	↓ -9.09%
VMC	14.4	13.1	-1.3	↓ -9.03%
GLT	13.4	12.2	-1.2	↓ -8.96%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	4,598,630	0.3%	40	217.8	0.7
SAM	3,870,660	1.6%	288	31.9	0.5
VNE	2,395,340	6.6%	694	10.4	0.7
ITC	2,189,250	0.3%	87	117.8	0.4
MBB	2,183,370	23.4%	3,118	4.6	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	14,395,169	-16.0%	(2,047)	-	0.9
KLS	6,800,900	0.9%	107	106.1	0.9
PVX	6,355,460	-9.0%	(1,001)	-	0.8
VND	5,448,600	7.4%	789	14.2	1.0
SCR	4,462,822	3.8%	587	16.4	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-17.7%	(1,718)	(0.5)	0.1
TMS	↑ 7.0%	15.2%	3,843	6.8	1.0
SAM	↑ 7.0%	1.6%	288	31.9	0.5
UDC	↑ 7.0%	1.9%	201	22.9	0.4
DTL	↑ 7.0%	2.3%	359	34.2	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CX8	↑ 10.0%	2.1%	289	15.3	0.3
PLC	↑ 10.0%	17.4%	2,804	6.3	1.1
FDT	↑ 9.8%	2.0%	339	82.4	1.8
CTM	↑ 9.7%	-6.3%	(714)	(4.8)	0.3
QHD	↑ 9.7%	10.5%	1,249	5.4	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	625,660	23.4%	3,118	4.6	1.1
IJC	460,500	6.0%	672	18.0	1.1
HPG	128,680	12.0%	2,299	11.4	1.1
VCB	93,090	10.8%	1,832	18.7	1.9
LCM	90,650	23.9%	4,358	3.8	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	908,500	0.9%	107	106.1	0.9
PVS	266,300	17.9%	3,119	5.0	1.1
PVX	185,270	-9.0%	(1,001)	-	0.8
PVC	152,300	15.0%	2,889	5.2	0.9
VCG	81,400	4.9%	541	25.7	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	88,497	38.8%	5,173	9.0	3.3
VNM	85,020	41.6%	6,981	14.6	5.5
MSN	80,412	8.7%	2,156	54.3	5.8
VCB	79,487	10.8%	1,832	18.7	1.9
CTG	61,611	21.6%	2,472	9.5	1.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,691	18.5%	2,603	6.8	1.3
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
SHB	7,177	-16.0%	(2,047)	-	0.9
PVS	6,969	17.9%	3,119	5.0	1.1
VCG	6,140	4.9%	541	25.7	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	3.21	5761.2%	(5,617)	-	(0.4)
PVF	2.67	5.0%	572	23.3	1.2
KBC	2.41	-10.5%	(1,517)	-	0.7
ITA	2.09	0.3%	40	217.8	0.7
LAF	1.99	-97.3%	(10,359)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	3.24	-176.9%	(7,181)	-	3.0
PVX	2.72	-9.0%	(1,001)	-	0.8
SCR	2.68	3.8%	587	16.4	0.6
PVL	2.65	-4.9%	(522)	-	0.5
PVA	2.61	-3.0%	(472)	-	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)